

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ VĨNH CHÂU
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 77/2021/HNGĐ-ST

Ngày 06/12/2021

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Thanh Tùng.

Ông Lâm Minh Phụng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Anh Đô, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu tham gia phiên tòa:
Ông Bà Bùi Mỹ Tiên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 96/2021/TLST - HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2021 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2021, Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử vụ án số 26/TB-TLVA ngày 08/9/2021, Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử vụ án số 39/TB-TLVA ngày 06/10/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 64/2021/QĐST-HNGĐ ngày 08/11/2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Việt T, sinh năm YYY (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Số nhà Y ấp T A I, xã T T T, huyện T Đ, tỉnh Sóc Trăng;

2. *Bị đơn:* Ông Đỗ Nam S, sinh năm XXXX (vắng mặt);

Địa chỉ: Số nhà XXX đường T H Đ, Khóm X, Phường X, thị xã V C, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 25 tháng 3 năm 2021 và đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 27/10/2021, nguyên đơn bà Nguyễn Việt T trình bày:

Năm 2007, bà Nguyễn Việt T kết hôn với ông Đỗ Nam S và được UBND thị trấn V C, huyện V C (nay là UBND Phường X, thị xã V C) cấp giấy chứng nhận

kết hôn vào ngày 11/6/2007. Trong thời gian chung sống bà T và ông S có 01 đứa con chung tên Đỗ Bảo L (n), sinh ngày XXX/XXX/XXXX. Hiện nay cháu L do bà Nguyễn Việt T chăm sóc, nuôi dưỡng. Sau ngày cưới vợ chồng sống chung với nhau rất hạnh phúc được một thời gian, nhưng dần phát hiện cả hai không đồng quan điểm, không hợp tính tình nên đã phát sinh mâu thuẫn. Vợ chồng sống chung không hạnh phúc và mâu thuẫn xảy ra ngày càng trầm trọng hơn. Từ đó, vợ chồng không còn sống chung với nhau từ năm 2013 cho đến nay. Nhận thấy, hạnh phúc gia đình tan vỡ không hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được và vợ chồng không còn yêu thương nhau. Nay bà Nguyễn Việt T yêu cầu Tòa án giải quyết:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Việt T yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Đỗ Nam S.

- *Về con chung:* Đối với đứa con tên Đỗ Bảo L (n), sinh ngày XXX/XXX/XXXX đang sống chung với bà T, bà T xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và không yêu cầu ông Đỗ Nam S phải cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Bà Nguyễn Việt T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đối với bị đơn ông Đỗ Nam S:

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành thông báo thụ lý vụ án; thông báo mở phiên họp để kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật và triệu tập hợp lệ đối với bị đơn ông Đỗ Nam S để tham gia phiên tòa nhưng ông S vẫn cố tình vắng mặt. Tòa án đã tiến hành mở phiên họp để kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 210 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Tòa án có thông báo kết quả mở phiên họp cho ông Đỗ Nam S biết.

Tại phiên tòa vị Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu phát biểu ý kiến:

Về pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Đối với bị đơn ông Đỗ Nam S chưa chấp hành tốt theo giấy triệu tập của Tòa án tại các phiên họp và hòa giải. Đồng thời, bị đơn ông Đỗ Nam S đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn bà Nguyễn Việt T và bị đơn ông Đỗ Nam S theo quy định của pháp luật.

Về pháp luật nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Việt T được ly hôn với ông Đỗ Nam S.

+ Về con chung: Giao cháu Đỗ Bảo L (n), sinh ngày XXX/XXX/XXXX cho bà Nguyễn Việt T tiếp tục nuôi dưỡng. Đồng thời, ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Việt T không yêu cầu ông Đỗ Nam S cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Việt T trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về pháp luật tố tụng:

[1] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành thông báo cho ông Đỗ Nam S biết là bà Nguyễn Việt T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà Nguyễn Việt T được ly hôn với ông S theo quy định của pháp luật. Sau đó, Tòa án đã tiến hành thông báo để kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn ông Đỗ Nam S vắng mặt. Tòa án đã tiến hành mở phiên họp để kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 210 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Tòa án có thông báo kết quả mở phiên họp cho ông S biết.

[2] Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2021, Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử vụ án số 26/TB-TLVA ngày 08/9/2021, Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử vụ án số 39/TB-TLVA ngày 06/10/2021 và phiên tòa được mở vào lúc 09 giờ 00 phút ngày 08/11/2021 nhưng bị đơn ông Đỗ Nam S vắng mặt. Phiên tòa tiếp tục được mở lại vào lúc 07 giờ 30 phút ngày 06 tháng 12 năm 2021 nhưng bị đơn ông Đỗ Nam S vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Đỗ Nam S theo quy định của pháp luật.

[3] Đối với nguyên đơn bà Nguyễn Việt T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn bà Nguyễn Việt T theo quy định của pháp luật.

Về pháp luật nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn bà Nguyễn Việt T với bị đơn ông Đỗ Nam S được xác lập vào năm 2007 và có đăng ký kết hôn

đúng theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn bà Nguyễn Việt T với bị đơn ông Đỗ Nam S là hợp pháp. Nguyên nhân dẫn đến ly hôn là do trong thời gian sống chung với nhau bà Nguyễn Việt T với ông Đỗ Nam S thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và không còn sống chung với nhau từ năm 2013 cho đến nay. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Việt T với ông Đỗ Nam S lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào các Điều 51, 53, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Nguyễn Việt T được ly hôn với ông Đỗ Nam S.

[2] *Về con chung*: Đối với cháu Đỗ Bảo L (n), sinh ngày XXX/XXX/XXXX hiện nay do bà Nguyễn Việt T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét thấy, bà Nguyễn Việt T có đủ điều kiện để chăm sóc, giáo dục cháu trong môi trường lành mạnh, đảm bảo sự phát triển của con tốt về thể chất cũng như tinh thần. Đồng thời, cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu L (bút lục số 25). Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cháu Đỗ Bảo L (n), sinh ngày XXX/XXX/XXXX cho bà Nguyễn Việt T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Đồng thời, ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Việt T không yêu cầu ông Đỗ Nam S phải cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà Nguyễn Việt T trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] *Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Bà Nguyễn Việt T phải chịu theo quy định của pháp luật.

[5] Đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 và khoản 2 Điều 143; khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 146; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Các Điều 51, 53, 56, 57, 58; 81; 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Việt T được ly hôn với bị đơn ông Đỗ Nam S.

2. Về con chung: Giao cháu Đỗ Bảo L (n), sinh ngày XXX/XXX/XXXX cho bà Nguyễn Việt T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi. Đồng thời ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Việt T không yêu cầu ông Đỗ Nam S phải cấp dưỡng nuôi con.

Trong thời gian bà Nguyễn Việt T nuôi con, không ai có quyền ngăn cản sự thăm nom, chăm sóc, giáo dục của cha, mẹ đối với con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Việt T trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Việt T phải chịu là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu số: 0009436 ngày 06/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã V C. Bà Nguyễn Việt T đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

6. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo đối với Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày niêm yết Bản án hợp lệ.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014)”.

Nơi nhận:

- VKSND TX V C;
- THADS TX V C;
- Phòng KTNV&THA
- TAND Tỉnh Sóc Trăng;
- UBND phường X , TX V C;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Vũ Phương

